

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 397/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2019
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Trang;
2. Ông Phạm Thế Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 438/2019/QĐXXST-HN ngày 05 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Ngọc K, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số nhà 36, tổ 01, ấp VT C, xã VH, thị xã TC, tỉnh AG;

Bị đơn: Anh Phan Thanh M, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số 62/A, ấp 2, xã VX, thị xã TC, tỉnh AG.

Chị Đặng Thị Ngọc K (có mặt), anh Phan Thanh M (vắng mặt và có yêu cầu yêu cầu xét xử vắng mặt) tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị Ngọc K trình bày:

Về tình cảm: Vào năm 2013, chị K và anh M tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp nhận. Đến năm 2017, chị K và anh M tự chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có tổ chức lễ cưới. Năm 2018, chị K

và anh M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VX, thị xã TC, tỉnh AG. Sau khi đăng ký kết hôn, chị K và anh M chung sống với gia đình chị K tại ấp VT C, xã VH, thị xã TC, tỉnh AG. Thời gian đầu, chị K và anh M chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2019 chị K và anh M phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh M không quan tâm, chăm sóc cho gia đình. Chị K và anh M sống xa nhau từ tháng 5/2019 cho đến nay, từ khi sống xa nhau, chị K và anh M không hàn gắn tình cảm với nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Chị K không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh M nên chị K kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Phan Thanh M.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị K và anh M có 01 (một) con chung tên: Phan Hồng Gia B, sinh ngày 09/4/2018.

Chị K yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Phan Thanh M trình bày:

Về tình cảm: Anh M thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân như chị K trình bày. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, anh M cho rằng do bất đồng quan điểm sống về kinh tế và tình cảm, tính tình không hợp nhau. Anh M và chị K, sống xa nhau từ tháng 5/2019 cho đến nay. Từ khi anh M và chị K sống xa nhau cho đến nay, anh M không đến gặp chị K hàn gắn tình cảm gia đình. Anh M thống nhất thuận tình ly hôn với chị Đặng Thị Ngọc K.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh M và chị K có 01 con chung tên: Phan Hồng Gia B, sinh ngày 09/4/2018.

Anh M đồng ý giao con chung cho chị K nuôi dưỡng, không cấp dưỡng con chung, yêu cầu được thăm con theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết

Tại phiên tòa, chị K vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Hội đồng xét xử, công bố biên bản xác M về tình trạng hôn nhân và con chung giữa chị Đặng Thị Ngọc K và anh Phan Thanh M tại Hội Liên hiệp phụ nữ xã VH, thị xã TC, tỉnh AG. Cụ thể như sau:

- Hội liên hiệp phụ nữ xã VH cho biết: Đặng Thị Ngọc K, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số nhà 36, tổ 01, ấp VT C, xã VH, thị xã TC, tỉnh AG kết hôn với anh Phan Thanh M, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số 62/A, ấp 2, xã VX, thị xã TC, tỉnh AG, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VX, thị xã TC, tỉnh AG. Sau khi đăng ký kết hôn, chị K và anh M sống tại nhà chị K. Thời gian đầu, chị K và anh M chung sống hạnh phúc, đầu năm 2019, xảy ra mâu thuẫn về kinh tế và tình cảm. Tháng 5/2019, chị K và anh M không còn chung sống tại nhà chị K, anh M đi đâu, làm gì không biết. Trong thời kỳ hôn nhân, chị K và anh M có 01 (một)

con chung tên: Phan Hồng Gia B, sinh ngày 09/4/2018. Hiện nay con chung do chị K nuôi dạy, gia đình chị K chăm sóc tốt, cháu bé phát triển bình thường. Qua tìm hiểu được biết chị K kiên quyết ly hôn với anh Phan Thanh M. Hội phụ nữ có giải thích, động viên chị K hàn gắn gia đình nhưng chị K không đồng ý và cho rằng không thể tiếp tục chung sống với anh M.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Năm 2018, chị K và anh M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã VX, thị xã TC, tỉnh AG. Năm 2019, chị K khởi kiện xin ly hôn anh M do mâu thuẫn về gia đình nên không sống chung được, chị K và anh M sống xa nhau từ tháng 5/2019 cho đến nay, từ khi sống xa nhau chị K và anh M không hàn gắn tình cảm với nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Chị K và anh M thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

Về con chung: Cháu Phan Hồng Gia B, sinh ngày 09/4/2018, hiện đang sống với chị K, chị K có yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Anh M đồng ý giao con chung cho chị K nuôi dạy và cháu Gia Bảo dưới 36 (ba mươi sáu) tháng tuổi, đề nghị giao cháu Gia B cho chị K nuôi dạy theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Ngọc K và anh Phan Thanh M.

Về con chung: Chị Đặng Thị Ngọc K được nuôi dạy cháu: Phan Hồng Gia B, sinh ngày 09/4/2018. Anh Phan Thanh M không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Đặng Thị Ngọc K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Đặng Thị Ngọc K khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phan Thanh M. Anh M có nơi cư trú: Số 62/A, ấp 2, xã VX, thị xã TC, tỉnh AG. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Phan Thanh M được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh M tự tìm hiểu yêu thương nhau năm 2013 được gia đình hai bên chấp nhận nhưng không tổ chức lễ cưới. Năm 2017, chị K và anh M chung sống với nhau như vợ chồng. Đến năm 2018, chị K và anh M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VX, thị xã TC, tỉnh AG số đăng ký kết hôn 35 ngày 12/3/2018, không vi phạm điều kiện cấm kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân.

Sau khi đăng ký kết hôn, chị K và anh M sống chung gia đình chị K tại ấp VT C, xã VH, thị xã TC, tỉnh AG. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về kinh tế và tình cảm, tính tình không hợp nhau. Sống xa nhau từ tháng 5/2019 cho đến nay. Từ khi chị K và anh M sống xa nhau cho đến nay, chị K và anh M không đến gặp nhau hàn gắn tình cảm gia đình. Chị K yêu cầu được ly hôn với anh Phan Thanh M và anh M đồng ý thuận tình ly hôn với chị Đặng Thị Ngọc K.

Xét, đây là sự tự nguyện, thống nhất thuận tình ly hôn giữa chị K và anh M, Tòa án công nhận sự thống nhất thuận tình ly hôn giữa chị K và anh M là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát.

[4] Về con chung: Theo lời khai của chị K và anh M; biên bản xác M Hội liên hiệp phụ nữ xã VH, thị xã TC, tỉnh AG khai thống nhất, chị K và anh M có 01 (một) con chung tên: Phan Hồng Gia B, sinh ngày 09/4/2018. Hiện nay, con chung của chị K và anh M đang sống chung với chị K tại số nhà 36, tổ 01, ấp VT C, xã VH, thị xã TC, tỉnh AG.

Theo biên bản xác M Hội liên hiệp phụ nữ xã VH, thị xã TC, tỉnh AG, chị K chăm sóc, nuôi dạy cháu Gia Bảo tốt, cháu bé phát triển bình thường.

Chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung: Phan Hồng Gia B, sinh ngày 09/4/2018, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Anh M đồng ý giao con chung cho chị K nuôi dạy và cháu Gia B dưới 36 tháng tuổi. Xét, công nhận sự thỏa thuận của chị K và anh M, giao cháu Gia B cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị K và anh M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị K đã nộp đủ. Anh M không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Ngọc K và anh Phan Thanh M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 12/3/2018 do Ủy ban nhân dân xã VX, thị xã TC, tỉnh AG cấp cho chị Đặng Thị Ngọc K và anh Phan Thanh M không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Đặng Thị Ngọc K được tiếp tục nuôi dạy con chung tên: Phan Hồng Gia B, sinh ngày 09/4/2018. Anh Phan Thanh M không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đặng Thị Ngọc K cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Phan Thanh M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Đặng Thị Ngọc K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2017/0001928 ngày

23 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị K phải nộp 300.000 đồng án phí.

Anh Phan Thanh M không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị Đặng Thị Ngọc K là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Phan Thanh M là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bạch Tuyết